

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DSST

Ngày: 28/7/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TPĐ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-DS, ngày 09/3/2022, về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp TP, xã TTi, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H và bà Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày :***

Bà H làm đầu thảo hui, bà Đ tham gia góp 04 phần hui, cụ thể như sau:

- Dây hui mở ngày 20/11/2017 (âm lịch), có 29 phần, 2.000.000đ/phần/tháng, đến tháng 4/2020 (âm lịch) thì mãn hui. Bà Đ tham gia góp 01 phần và đã hót hui. Sau khi hót hui, bà Đ có đóng hui chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng và còn nợ lại 14 kỳ hui chết với số tiền 28.000.000đ.

- Dây hụi mở ngày 22/8/2018 (âm lịch), có 30 phần, 2.000.000đ/phần/ tháng, đến 22/02/2021 (âm lịch) thì mãn hụi. Bà Đ tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà Đ có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng và còn nợ lại 24 kỳ hụi chết với số tiền 48.000.000đ.

- Dây hụi mở ngày 25/6/2017 (âm lịch), có 28 phần, 2.000.000đ/phần/tháng, đến tháng 02/2020 (âm lịch), thì mãn hụi. Bà Đ tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà Đ có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng góp và còn nợ lại 08 kỳ hụi chết với số tiền 16.000.000đ.

- Dây hụi mở ngày 10/02/2018 (âm lịch), có 27 phần, 1.000.000đ/phần/ tháng, đến 02/2021 (âm lịch), thì mãn hụi. Bà Đ tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà Đ có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng và còn nợ lại 17 kỳ hụi chết với số tiền 17.000.000đ.

Tổng cộng 04 phần hụi, bà Đ còn nợ từ tháng 3/2019 (âm lịch) đến khi mãn hụi là 109.000.000đ.

Sau khi ngưng góp một thời gian thì bà Đ có trả tiền tiếp làm nhiều lần (mỗi lần trả từ 500.000đ đến 2.000.000đ), đến tháng 12/2019 (âm lịch) được tổng cộng là 18.000.000đ rồi ngưng. Ngoài ra, bà Đ có góp 01 phần hụi khác, hụi 2.000.000đ/phần/tháng và góp được 03 kỳ với số tiền 6.000.000đ thì ngưng do tôi không góp tiếp. Như vậy, sau tháng 3/2019 (âm lịch) đến tháng 12/2019 (âm lịch) bà Đ có trả thêm được 18.000.000đ và góp 01 phần hụi được 6.000.000đ, tổng cộng là 24.000.000đ. Sang năm 2020, tôi nhiều lần tìm bà Đ đòi tiền nhưng bà Đ hẹn mà không trả. Gần đây, bà Đ nói không trả nữa nên tôi khởi kiện.

Theo thực tế, 04 phần hụi bà Đ nợ tôi tổng cộng là 109.000.000đ nhưng do tính nhầm nên theo đơn khởi kiện tôi chỉ trình bày số tiền bà Đ nợ là 100.000.000đ. Nay tôi giữ ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, số tiền bà Đ nợ là 100.000.000đ, yêu cầu cản trừ tiền nợ 04 phần hụi chết vào số tiền 24.000.000đ nói trên. Do đó, bà Đ còn nợ tôi 76.000.000đ, nay yêu cầu bà Đ trả 76.000.000đ làm 03 lần. Hai lần đầu trả mỗi lần 25.000.000đ, lần cuối trả số còn lại là 26.000.000đ, mỗi lần trả cách nhau 02 tháng.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày:***

Tôi có tham gia góp tổng cộng 06 phần hụi do bà H làm đầu thảo. Nhưng số tiền tôi còn nợ bà H của 04 phần hụi chết và 02 phần hụi sống, không đúng như bà H trình bày. Cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 20/11/2017 (âm lịch), có 29 phần, 2.000.000đ/phần/tháng. Tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, tôi có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch), thì ngưng.

- Dây hụi mở ngày 22/8/2018 (âm lịch), có 30 phần, 2.000.000đ/phần/tháng. Tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, tôi có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng.

- Dây hụi mở ngày 25/6/2017 (âm lịch), có 28 phần, 2.000.000đ/phần/ tháng. Tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, tôi có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng.

- Dây hụi mở ngày 10/02/2018 (âm lịch), có 27 phần, 1.000.000đ/phần/tháng. Tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi, tôi có đóng hụi chết đến tháng 02/2019 (âm lịch) thì ngưng.

Riêng 02 phần hụi khác, tôi góp vài kỳ thì bà H vỡ hụi nên ngưng góp. Tôi chưa hốt hụi này. 02 phần hụi này tôi không nhớ ngày mở hụi, cũng không nhớ số tiền tôi đã góp cho bà H.

Khoảng cuối năm 2019 (âm lịch), tôi và H cộng lại nợ và 2 bên thỏa thuận thống nhất: Lấy số tiền tôi đã góp 02 dây hụi chưa hốt và tiền tôi có trả thêm cho bà H; trừ vào số tiền tôi còn nợ của 04 phần hụi tôi đã hốt nên tôi không còn nợ tiền bà H. Khi hai bên thống nhất cân trừ nợ và xóa hết nợ của tôi, chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì. Nay tôi không nợ tiền hụi bà H nên không trả 76.000.000đ theo yêu cầu của bà H.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đ trả cho bà H số tiền nợ hụi từ tháng 3/2019 đến khi mãn hụi, cân trừ số tiền 24.000.000đ bà Đ đã trả cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Bà Trương Thị H khởi kiện, yêu cầu giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Đ trả tiền góp hụi nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TPĐ theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi khởi kiện, thời hiệu khởi kiện

Bà Trương Thị H khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Thị Đ trả tiền góp hội phát sinh từ giao dịch dân sự vào năm 2017 nhưng đến cuối năm 2019 (âm lịch), các đương sự vẫn thực hiện việc trả tiền. Sau đó bà H tiếp tục tìm bà Đ đòi tiền nhưng bà Đ hên dần. Ngày 09/3/2022, bà H kiện bà Đ đòi tiền góp hội, nên Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 429 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[3] Về nội dung vụ kiện

Tại phiên Tòa, bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền góp hội còn nợ là 76.000.000 đồng. Bà Đ không đồng ý trả vì cho rằng không còn nợ bà H. xét thấy: Bà H và bà Đ xác định, việc góp hội không có chứng cứ để chứng minh, không có người làm chứng. Tại phiên tòa, bà H và bà Đ trình bày thống nhất ngày mở hội, số phần hội, số tiền của mỗi phần hội. Riêng bà Đ cho rằng không nhớ cụ thể ngày mãn hội, số kỳ hội còn nợ lại. Do đó, có cơ sở xác định bà Đ có góp các phần hội theo ngày mở hội, số phần hội, số tiền còn nợ của mỗi phần hội từ tháng 3/2019 (âm lịch) như các đương sự trình bày. Qua đối chiếu, có cơ sở xác định ngày mãn hội, số kỳ hội của từng dây hội bà Đ còn nợ, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 20/11/2017 (âm lịch). Dây hội có 29 phần, 2.000.000đ/phần, sẽ mãn hội vào tháng 4/2020 (âm lịch). Bà Đ tham gia 01 phần, còn nợ hụi chết từ kỳ tháng 3/2019 (âm lịch), tính đến ngày mãn hội, bà Đ còn nợ 13 kỳ với số tiền 26.000.000đ.

- Dây hội mở ngày 22/8/2018 (âm lịch). Dây hội có 30 phần, 2.000.000đ/ phần, sẽ mãn hội vào tháng 02/2020 (âm lịch). Bà Đ tham gia 01 phần, nợ hụi chết từ kỳ tháng 3/2019 (âm lịch), tính đến ngày mãn hội, bà Đ còn nợ 11 kỳ với số tiền 22.000.000đ.

- Dây hội mở ngày 25/6/2017 (âm lịch). Dây hội có 28 phần, 2.000.000đ/phần, sẽ mãn hội vào tháng 10/2019 (âm lịch). Bà Đ tham gia 01 phần, nợ hụi từ tháng 3/2019 (âm lịch), tính đến ngày mãn hội, bà Đ còn nợ 8 kỳ hụi với số tiền 16.000.000đ.

- Dây hội mở ngày 10/02/2018 (âm lịch). Dây hội có 27 phần, 1.000.000đ/ phần, sẽ mãn hội vào tháng 5/2020 (âm lịch). Bà Đ tham gia 01 phần, nợ hụi từ tháng 3/2019 (âm lịch), tính đến ngày mãn hội, bà Đ còn nợ 14 kỳ với số tiền 14.000.000đ.

Tổng 4 phần hội, tính từ tháng 3/2019 (âm lịch), đến ngày mãn hội, bà Đ còn nợ bà H tổng cộng 78.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng có góp cho bà H 02 phần hội khác, chưa hốt hụi nhưng không nhớ cụ thể ngày mở hội, số tiền đã góp, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, lời trình bày của bà Đ không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà H trình bày, sau tháng 3/2019 (âm lịch), bà Đ có trả tiền cho bà H nhiều lần, mỗi lần trả từ 500.000đ đến 2.000.000đ, trả được tổng số tiền 18.000.000đ và bà Đ có góp 01 phần hội 2.000.000đ/phần và góp được 3 kỳ với số

tiền 6.000.000đ, tổng cộng hai khoản tiền này là 24.000.000đ. Bà H yêu cầu trừ 24.000.000đ này vào số tiền bà Đ nợ của 4 phần hối. Đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Qua căn trừ tiền bà Đ góp của dây hối khác và tiền đã trả thêm sau tháng 3/2019 tổng cộng là 24.000.000đ; vào số tiền nợ 04 dây hối trước. Bà Đ còn nợ bà H 54.000.000đ [(78.000.000đ - 6.000.000đ) - 18.000.000đ]. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H 54.000.000đ mới là phù hợp.

Xét về thời gian trả tiền: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà Đ trả tiền nợ làm 3 lần, mỗi lần cách nhau 02 tháng, 02 lần đầu mỗi lần trả 25.000.000đ, lần cuối trả hết số còn lại. Xét thấy, theo quy cách chung của loại hình góp hối, các hối viên phải góp hối đầy đủ khi đến kỳ hối và hoàn tất việc góp hối khi mãn hối. Các dây hối đã mãn từ lâu, nhưng đến nay bà Đ chưa trả hết tiền hối cho bà H nên làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà H. Tại phiên tòa, bà H cho bà Đ trả làm 3 lần. Đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận. Do đó buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H 54.000.000đ, theo thời gian bà H yêu cầu.

[4] Về ý kiến của Kiểm sát viên

Như phân tích trên, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí

Bà H phải nộp án phí trên số tiền yêu cầu bà Đ trả nhưng không được chấp nhận. Bà Đ có nghĩa vụ trả tiền cho bà H nên phải nộp án phí. Tuy nhiên, bà H và bà Đ đã hơn 60 tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.
- Buộc bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị H số tiền hối còn nợ là 54.000.000đ (*năm mươi bốn triệu*) đồng. Thời gian trả làm 03 lần như sau: Lần

thứ 1 và lần thứ 2, mỗi lần trả 25.000.000 đồng, lần thứ 3 trả 4.000.000 đồng; mỗi lần trả cách nhau 02 tháng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Bà Trương Thị H và bà Huỳnh Thị Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Huỳnh Thị Đ không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. TPĐ;
- THA DS H. TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI